

**CÔNG TY TNHH DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT HÀN VINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT HÀN VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET HAN VINA TRADING AND TRAVEL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET HAN VINA TRAVEL

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109840906

**3. Ngày thành lập:** 01/12/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 19, tổ 9, khối 5, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0353074547

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                            | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                               | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                              | 4513     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                            | 4520     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                             | 4530     |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                              | 4541     |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                       | 4542     |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                          | 4543     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đầu giá) | 4610     |
| 10. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hoa và cây                   | 4620     |
| 11. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                            | 4631     |
| 12. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                        | 4632     |
| 13. | Bán buôn đồ uống                                                                                                          | 4633     |

|     |                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)                                                                                                | 4649        |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                       | 4663        |
| 16. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, hội thảo, hội chợ. | 8230        |
| 17. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                | 8531        |
| 18. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                             | 8532        |
| 19. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                        | 7710        |
| 20. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại hàng hóa Nhà nước cấm)                                                                                                                     | 4690        |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                          | 4711        |
| 22. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                            | 4719        |
| 23. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                             | 4721        |
| 24. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4722        |
| 25. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4723        |
| 26. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                           | 4724        |
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                              | 4781        |
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                            | 4791        |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô                                   | 4931(Chính) |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô                                                                                      | 4932        |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                          | 4933        |
| 32. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                   | 5210        |
| 33. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                              | 5224        |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                       | 5225        |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Trừ các hoạt động liên quan vận tải hàng không)                                                                       | 5229        |
| 36. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                     | 5510        |
| 37. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                            | 5590        |
| 38. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                              | 5610        |
| 39. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                      | 5621        |

|     |                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ | 5629 |
| 41. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                | 5630 |
| 42. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                         | 7730 |
| 43. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                         | 7911 |
| 44. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa                                                                                                                                                          | 7912 |
| 45. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                    | 7990 |
| 46. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                   | 4752 |
| 47. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                            | 4753 |
| 48. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                | 4759 |
| 49. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4772 |
| 50. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Trừ bán lẻ tem và tiền kim khí, vàng, Trừ hoạt động của đấu giá viên)                                      | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | DƯƠNG THẾ CUÔNG | Việt Nam  | Số 19, tổ 9, khối 5, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 18.000.000            | 1,000     | 001065034269                                                                                            |         |

|   |             |          |                                                                                                                |               |        |              |  |
|---|-------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | ĐỖ TẮT XUÂN | Việt Nam | Căn hộ 401, nhà 17T8, khu Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.782.000.000 | 99,000 | 001065002646 |  |
|---|-------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ TẮT XUÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *21/03/1965*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001065002646*

Ngày cấp: *20/07/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Căn hộ 401, nhà 17T8, khu Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ 401, nhà 17T8, khu Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*